PHỤ LỤC I

Tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 10/01/2026 và Thông báo số 02-TB/BCĐ, ngày 19/3/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST và CĐS thành phố

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

A. DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao năm 2026 của thành phố	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ước thực hiện đến thời điểm báo cáo của cơ quan, đơn vị, địa phương	Ước thực hiện năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương	Ghi chú *(vượt/đạt/ không đạt chỉ tiêu giao và nêu lý do trong trường hợp không đạt)*
1.	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	31%	Thống kê thành phố			
2.	Tỉ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CĐS trong GRDP	17,5%	Thống kê thành phố			
3.	Tỉ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	50%	Thống kê thành phố			
4.	Tỉ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G	Đạt 85% dân số	Sở Khoa học và Công nghệ			
5.	Tỉ lệ cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	100%	4 khối cơ quan cấp xã (Đảng ủy cấp xã, HĐND cấp xã, UBND cấp xã, MTTQ Việt Nam cấp xã)	100%	**100%**	
6.	Tỉ lệ hồ sơ công việc tại cấp thành phố và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc	100%	4 khối cấp thành phố, cấp xã	100%	100%	
7.	Tỉ lệ quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hoá, số hoá và được đưa lên môi trường số	100%	4 khối cấp thành phố, cấp xã	100%	100%	
8.	Tỉ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của tỉnh, thành phố.	≥80%	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã			UBND phường không được phân quyền thống kê kết quả chỉ tiêu này

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao năm 2026 của thành phố	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ước thực hiện đến thời điểm báo cáo của cơ quan, đơn vị, địa phương	Ước thực hiện năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương	Ghi chú *(vượt/đạt/ không đạt chỉ tiêu giao và nêu lý do trong trường hợp không đạt)*
9.	Tỉ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	≥80%	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã			UBND phường không được phân quyền thống kê chỉ tiêu này
10.	Tỉ lệ TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	100%	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	100%	100%	
11.	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	100%	100%	
12.	Tỉ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ban, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	50%	Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	100%	100%	
13.	Tỉ lệ TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	100%	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	100%	100%	
14.	Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	100%	100%	
15.	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	≥45%	Thống kê thành phố			
16.	Nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 1 vạn dân	9,5 người	Sở Khoa học và Công nghệ			
17.	Số nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	100%	Sở Khoa học và Công nghệ			
18.	Thời gian phê duyệt nhiệm vụ KHCN, ĐMST (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt)	Trung bình khoảng 90 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ			
19.	Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	30%	Sở Khoa học và Công nghệ			
20.	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	≥36%	Sở Khoa học và Công nghệ			
21.	Số doanh nghiệp hình thành mới khởi nguồn (spin-	≥1-3	Sở Khoa học và Công			

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao năm 2026 của thành phố	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ước thực hiện đến thời điểm báo cáo của cơ quan, đơn vị, địa phương	Ước thực hiện năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương	Ghi chú *(vượt/đạt/ không đạt chỉ tiêu giao và nêu lý do trong trường hợp không đạt)*
	off) từ kết quả nghiên cứu của trường - viện	doanh nghiệp	nghệ			

B. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
1.	Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, nâng cao nhận thức của cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp, đặc biệt là người đứng đầu về vai trò và tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình của Thành ủy thực hiện Nghị quyết này. Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số", "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và nhân dân	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Đã hoàn thành	- Kế hoạch số 118/KH-UBND tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Kế hoạch số 178/KH-UBND triển khai mô hình "Loa phường thông minh - Học số mỗi ngày 3 phút" - Kế hoạch 401/KH-UBND tổ chức Hội nghị tập huấn về an toàn, an ninh thông tin; cài đặt, sử dụng ứng dụng Smart Hải Phòng phiên bản mới và giới thiệu hệ thống quản lý tổ dân phố
2.	Tiếp tục tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật tham gia cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý các cấp; sớm hướng dẫn xây dựng danh mục vị trí việc theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tổ chức Thành ủy	Thường xuyên		
3.	Triển khai các chương trình giám sát và phản biện chất lượng nghiên cứu KHCN, đổi mới sáng tạo của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố	Ủy ban MTTQVN thành phố	Thường xuyên		
4.	Thực hiện kiểm tra, giám sát hằng năm đối với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ	Ủy ban kiểm tra Thành ủy	Thường xuyên		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	liên quan				
5.	Trực tiếp, thường xuyên sử dụng Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW làm công cụ thiết yếu trong chỉ đạo, điều hành để phát hiện sớm các điểm nghẽn, rủi ro. Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao để bảo đảm tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện trên Hệ thống là một thước đo quan trọng để đánh giá năng lực và kết quả công tác của người đứng đầu	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Đã hoàn thành	UBND phường chỉ đạo trong ngày thứ Tư hàng tuần, trong ngày 25 hàng tháng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW tại địa chỉ: https://theodoinq.dcs.vn
6.	(1) Theo phạm vi quản lý thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân (người dân, doanh nghiệp, viện, trường, nhà khoa học, nhà sáng tạo…) nhằm đo lường mức độ hài lòng đối với những cơ chế, chính sách, giải pháp về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS để kịp thời điều chỉnh (2) Chủ động báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển KHCN, ĐMST, CĐS trên Hệ thống pakn.nq57.vn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên		
7.	Chủ động rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là Ủy ban nhân dân cấp xã; có phương án bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn	Các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	Đã hoàn thành	UBND phường trang bị đầy đủ trang thiết bị cho cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng phục vụ công việc hàng ngày và đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp
8.	Tăng cường vai trò cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo thành phố, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW bảo đảm trọng tâm, trọng điểm. Tham mưu kịp thời tháo gỡ khó khăn,	Văn phòng Thành ủy	Thường xuyên		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhất là các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực				
9.	Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CĐS. Trong đó, bảo đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt	Các sở, ban, ngành thành phố	Tháng 6/2026		
10.	Thực hiện phối hợp rà soát theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội	Các sở, ban, ngành thành phố	Tháng 6/2026		
11.	Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 6/2026		
12.	Triển khai 06 Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù về KHCN, ĐMST với một số nội dung mang tính đột phá theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	12/2026		
13.	Tham mưu thành lập Tổ công tác về thu hút đầu tư công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của thành phố (do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Tổ trưởng)	Sở Tài chính	Quý I/2026		
14.	Chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số cấp xã: (1) đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân ; (2) trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu chủ động rà soát bố trí kinh	Các xã, phường, đặc khu	Quý II/2026	Đã hoàn thành	- UBND phường đã bố 03 đường truyền internet phục vụ hoạt động của phường, phục vụ người dân và doanh nghiệp - 100% cán bộ, công chức phường đã được cấp đầy đủ trang thiết bị cơ bản đáp ứng

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp; (3) bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc; (4) Rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ				nhiệm vụ công việc hàng ngày và sử dụng chữ ký số cá nhân trong ký số, phục vụ người dân và doanh nghiệp - UBND phường đã ban hành Quyết định giao nhiệm vụ chuyên trách về chuyển đổi số trên địa bàn phường
15.	(1) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc; (2) Chủ động rà soát khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II/2026	Đã hoàn thành	Đã cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn
16.	(1) Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. (2) Tăng cường việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua Mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với phạm vi mở rộng theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị. (3) Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; (4) 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; (5) Hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ theo chỉ đạo của Trung ương; (6) Số hóa 100% các quy trình lõi trong cá cơ quan, đơn vị để phục vụ đưa lên môi trường số; (7) Tổ chức kết nối, liên thông và vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Đã hoàn thành	

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	quan trong toàn hệ thống chính trị thành phố				
17.	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành danh mục và cung cấp dữ liệu mở theo quy định của pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên		
18.	Khẩn trương rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng.	Các sở, ban, ngành thành phố	Tháng 3/2026		
19.	Tổ chức kết nối, tích hợp, khai thác và vận hành sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu, nền tảng số quốc gia và chuyên ngành theo quy định; đồng thời hoàn thiện, vận hành các cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung của thành phố, bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", thống nhất, liên thông, dùng chung, phục vụ thiết thực công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công	Các sở, ban, ngành thành phố	Thường xuyên		
20.	(1) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo; (2) Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; (3) Thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc	Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc 4 khối cơ quan	Thường xuyên		- Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn - 100% hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; (4) Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn				
21.	Theo chức năng, nhiệm vụ được giao đăng ký tối thiểu 01 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của địa phương (công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị…); Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đề xuất, lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn để tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I/2026		
22.	Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp thành phố; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện, trường, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I/2026		
23.	Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng; Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hóa).	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I/2026		
24.	Theo chức năng, nhiệm vụ được giao đăng ký tối thiểu 01 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ	Các sở, ban, ngành thành phố	Quý III/2026		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị…); Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, đề xuất tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công				
25.	Xây dựng Chiến lược/Kế hoạch 5 năm hoặc 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030; Xây dựng Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ biển; Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án "Xây dựng Công viên Khoa học và Đổi mới sáng tạo".	Sở Khoa học và Công nghệ	12/2026		
26.	Chủ động rà soát, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; năng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai 100% trên Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, giảm chi phí, đồng thời tạo thuận lợi, không làm gián đoạn công tác của người học	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Đã hoàn thành	- chỉ đạo 100% cán bộ, công chức, viên chức phường đăng ký tham gia khóa học *"Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước"* tại địa chỉ: https://www.binhdanhocvuso.gov.vn nhằm nâng cao kỹ năng số trong công tác chuyên môn, phục vụ người dân và doanh nghiệp
27.	(1) Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo và văn hoá công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là tại cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, "mọi nơi, mọi lúc", khai thác hiệu quả nền tảng "Bình dân học vụ số";	Các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	Đã hoàn thành	- Triển khai mô hình "Loa phường thông minh - Học số mỗi ngày 3 phút" theo Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 13/5/2026 của UBND phường. Mô hình ứng dụng hệ thống truyền thanh cơ sở kết hợp mã QR, video hướng dẫn và các nền tảng số, giúp người dân tiếp cận kiến thức, kỹ năng số một cách

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	(2) Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá thôn, bản là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững				thường xuyên, ngắn gọn, dễ hiểu và thuận tiện thực hành. - Kế hoạch 401/KH-UBND tổ chức Hội nghị tập huấn về an toàn, an ninh thông tin; cài đặt, sử dụng ứng dụng Smart Hải Phòng phiên bản mới và giới thiệu hệ thống quản lý tổ dân phố
28.	Theo phạm vi quản lý bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số); củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả		
29.	Xem xét, rà soát quy định để đánh giá năng lực nghiên cứu sinh và giảng viên dựa trên số lượng bằng sáng chế được doanh nghiệp thương mại hóa thực tế; Chia sẻ các phòng thí nghiệm để tạo điều kiện cho các sinh viên, doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa sử dụng chung	Các trường đại học	Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả		
30.	Xây dựng Chiến lược giai đoạn 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	Sở Nội vụ	12/2026		
31.	Tăng cường hợp tác quốc tế với các viện nghiên cứu/ trường đại học/địa phương của các quốc gia có trình độ KHCN tiên tiến hoặc triển khai hiệu quả các chương trình, thỏa thuận phối hợp, hợp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	12/2026		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	tác trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS. Ưu tiên đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia phát triển, trọng tâm vào các lĩnh vực mũi nhọn như: trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, công nghiệp bán dẫn và năng lượng nguyên tử				
32.	Nghiên cứu triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định (bao gồm chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (AI, Robot, Y sinh, bán dẫn, lượng tử...)	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Nhiệm vụ thường xuyên; hằng tháng báo cáo kết quả		
33.	Quán triệt nguyên tắc "An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số". Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả		
34.	Kiện toàn tiểu ban chỉ đạo an ninh mạng tại thành phố, trong đó trưởng tiểu ban là bí thư thành uỷ	Công an thành phố	Tháng 02/2026		
35.	Rà soát, đánh giá và củng cố lại Hệ thống giám sát an ninh mạng của thành phố; Thực hiện công tác giám sát, điều phối ứng phó xử lý sự cố tại địa phương	Công an thành phố	Tháng 3/2026		
36.	(1) Trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống thông tin trọng yếu	Các đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống	Tháng 5/2026		
	(2) Xây dựng, hình thành Trung tâm giám sát an ninh mạng tập trung, đảm bảo hoạt động giám sát	Công an thành phố			

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	và sẵn sàng ứng phó với các nguy cơ tấn công mạng, đồng thời có thể chia sẻ dữ liệu giám sát với hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia				
37.	Theo phạm vi quản lý tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể về an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, hệ thống thông tin và nguồn nhân lực theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ	Công an thành phố	Tháng 6/2026		
38.	Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị huy động mọi nguồn lực để khắc phục ngay những lỗ hổng bảo mật trong các hệ thống thông tin	Công an thành phố	Tháng 4/2026		
39.	Phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ đối với toàn bộ các hệ thống thông tin trọng yếu do mình trực tiếp quản lý, vận hành. Đối với hạ tầng và các hệ thống thông tin đang xây dựng hoặc sẽ triển khai trong thời gian tới, yêu cầu bắt buộc phải thực hiện phê duyệt cấp độ an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành chính thức. Đối với các hệ thống thông tin và hạ tầng hiện đang sử dụng, cần khẩn trương rà soát, đánh giá và thực hiện phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo đúng quy định	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tháng 4/2026	Đã hoàn thành	Công an thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 14213/QĐ-CAHP-ANM ngày 30/10/2026 về việc phê duyệt cấp độ an ninh mạng đối với Hệ thống thông tin Ủy ban nhân dân phường Đông Hải.
40.	Thực hiện thiết lập kênh kết nối trao đổi thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát, điều phối ứng cứu, khắc phục sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng Bộ Công an theo quy định *(trừ các hệ thống thông tin trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng và cơ yếu)*	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tháng 4/2026		
41.	Thực hiện báo cáo về sự cố trong vòng 24 giờ nếu xảy ra và tuân theo sự điều phối ứng phó sự	Cơ quan, đơn vị, địa	Thường xuyên		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	cố của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng Bộ Công an theo quy định	phương			
42.	Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu và danh mục bảo vệ bí mật nhà nước để phù hợp với quy định mới tại Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Công an	Công an thành phố	Tháng 3/2026		
43.	Triển khai tổng thể các giải pháp giám sát, bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tháng 4/2026		
44.	Triển khai mô hình bảo đảm an toàn thông tin "4 lớp" gồm: (1) Lực lượng tại chỗ chịu trách nhiệm vận hành, giám sát và ứng cứu ban đầu khi sự cố xảy ra. (2) Hệ thống hoặc dịch vụ giám sát 24/7, giúp phát hiện sớm các nguy cơ. (3) Đơn vị độc lập thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo khách quan và minh bạch. (4) Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia, bảo đảm sự phối hợp liên thông trên phạm vi toàn quốc (trừ các hệ thống thông tin quân sự, quốc phòng, cơ yếu)	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tháng 4/2026		
45.	Phải bảo đảm tích hợp đầy đủ yêu cầu về an toàn ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong toàn bộ quá trình thiết kế, thẩm định và triển khai khi xây dựng, cập nhật hoặc hoàn thiện Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Công an thành phố	Thường xuyên		
46.	Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc thực hiện công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu. Chịu trách nhiệm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	trực tiếp và toàn diện nếu để xảy ra sự cố an ninh mạng nghiêm trọng, đặc biệt là lộ, lọt bí mật nhà nước do yếu tố chủ quan, thiếu trách nhiệm hoặc không tuân thủ quy định. Đưa kết quả đánh giá chỉ số bảo đảm an ninh mạng của các cơ quan, tổ chức vào tiêu chí đánh giá tín nhiệm, năng lực của cán bộ, nhất là đối với người đứng đầu, để phục vụ công tác xếp loại hàng năm. Triển khai chương trình đánh giá tín nhiệm mạng đối với các tổ chức, cá nhân có ảnh hưởng trên không gian mạng nhằm củng cố lòng tin số của người dân trong quá trình hoạt động, tương tác và làm việc trên không gian mạng.				
47.	Chủ động rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của mình trong năm 2026	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I/2026		
48.	Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	12/2026	Đang thực hiện	Đã phân bổ 100% kinh phí theo dự toán đầu năm 2026
49.	Bố trí ngân sách địa phương cho KHCN, ĐMST, CĐS có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyển giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra	Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính	Quý I/2026		
50.	Đăng ký kinh phí cho KHCN, ĐMST, CĐS phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của mình theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	12/2026	Đã hoàn thành	- Đã gửi văn bản đăng ký về Sở Khoa học và Công nghệ
51.	Chủ động rà soát và nghiêm túc triển khai thực	Sở Khoa	12/2026		

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Trạng thái *(Đã hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa thực hiện)*	Mô tả tiến độ/kết quả tính đến thời điểm báo cáo
	hiện các giải pháp đột phá để phát triển KHCN, ĐMST thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính (trong đó trọng tâm là cơ chế Quỹ) đã được thể chế hoá trong thời gian qua. Chịu trách nhiệm về việc chậm hoặc không triển khai việc thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ, dẫn đến làm giảm hiệu quả trong hoạt động KHCN, ĐMST tại các lĩnh vực do bộ, ngành, địa phương quản lý	học và Công nghệ			